

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠ VỪA
(Từ ngày 16 đến 30/9/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-70mm; có nơi trên 110mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với kỳ trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 67%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô giảm so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn khoảng 85% so với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tăng do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và có mưa trên lưu vực; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình ở mức thấp hơn 46% so với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo chế độ thủy triều và chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 49%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-200mm, có nơi cao hơn 250mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo tăng so với kỳ trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 24%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 80%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với kỳ trước. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 22%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ chứa thượng lưu và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 36%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-60mm, có nơi cao hơn 80mm.
Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lượng dòng chảy có xu thế biến đổi chậm và giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 19%. + Trên sông Lục Nam: Lượng dòng chảy biến đổi chậm và giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 55%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 80-180mm, có nơi cao hơn 200mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lượng dòng chảy có khả năng tăng so với kỳ trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 40%. + Trên sông Lục Nam: Lượng dòng chảy có khả năng tăng so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 52%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phía Bắc, khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến từ 100-350mm, có nơi trên 400mm. Phía Nam Quảng Trị_Huế 300-600mm; riêng tại A Lưới (Huế) 827mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 9/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với nửa cuối tháng 8, các sông ở Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 58%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 5%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 15%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Từ ngày 12-14/09, trên các sông đã xuất hiện 01 đợt lũ, đỉnh lũ các sông lên mức BĐ1-BĐ2, riêng trên sông Thạch Hãn tại trạm Thạch Hãn lên mức 6,31m (19h/13/09), trên BĐ3 0,31m. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 43%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-350mm, có nơi trên 450mm.
Tổng lượng dòng chảy:

- + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 9/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với nửa đầu tháng 9. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 8%; sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 49%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 36%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 33%.
- + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 64%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-300mm, có nơi trên 350-400mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trên lưu vực sông Vu Gia Thu Bồn đã xuất hiện 01 đợt lũ nhỏ, đỉnh lũ còn ở dưới mức BĐ1. Mức nước các sông ở Quảng Ngãi có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn TBNN cùng kỳ 21%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng dần và có xuất hiện dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 58% so với TBNN, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn cao hơn 41%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 48%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 72%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 47% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phía Bắc: Phổ biến từ 150-350mm, có nơi cao hơn. Phía Nam: Phổ biến từ 100-200mm, có nơi cao hơn 250mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 09, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 30%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn 33%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng trên các sông tiếp tục có

khả năng xuất hiện dao động và biến đổi theo xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức cao hơn 8%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức thấp hơn 19% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-200mm, có nơi trên 250mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 9, lưu lượng dòng chảy trên sông Đăkbla (Quảng Ngãi) và sông Krông Ana (Đăk Lăk) biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn so với nửa cuối tháng 8. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 23%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-250mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 9, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi ở mức tương đương và tăng so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 82%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN 22%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở cao hơn TBNN 18% và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 15%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/10/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 16 đến ngày 30/9/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	12	<89	40-80	< 10-25
	Sơn La	3	<97	40-80	< 10-25
	Hòa Bình	226	>75	50-100	< 10-25
	Lào Cai	73	<48	50-100	< 15-30
	Yên Bái	82	<38	60-150	< 15-30
	Tuyên Quang	99	>10	60-150	< 15-30
	Hà Giang	65	<45	60-150	< 15-30
	Láng	190	>83	80-180	< 15-30
	Thái Bình	133	<22	80-180	< 15-30
	Nam Định	145	<7	80-180	< 15-30
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	44	<42	70-150	< 15-30
	Thái Nguyên	51	<56	70-150	< 15-30
	Bắc Ninh	192	>80	70-150	< 15-30
	Lạng Sơn	25	<65	50-100	< 15-30
	Bắc Giang	86	<19	50-100	< 15-30
	Hải Dương	191	>89	70-150	< 15-30
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	105	<24	70-150	< 10-25
	Bái Thượng	176	<0	100-200	< 10-25
	Thanh Hóa	175	<3	100-220	< 10-25
	Quỳ Châu	206	>25	80-180	< 20-40
	Cửa Rào	173	>29	60-150	< 20-40
	Đô Lương	157	<16	80-180	< 20-40
	Vinh	218	<7	80-180	< 20-40
	Hương Sơn	192	>16	80-180	< 20-40
	Hương Khê	362	>58	60-150	< 25-50
	Hà Tĩnh	382	>54	60-150	< 30-60
	Đồng Hới	319	>61	60-150	< 30-60
	Quảng Trị	365	>132	60-150	< 30-60
	Nam Đông	615	>166	60-150	< 30-50
	Huế	421	>157	60-150	< 20-40
Lưu vực sông thuộc	Đà Nẵng	455	>157	60-150	< 20-40
	Trà My	467	>119	50-100	< 30-50

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
khu vực Nam Trung Bộ	Ba Tơ	233	>42	60-150	< 15-30
	Quảng Ngãi	297	>99	50-120	< 10-25
	Quy Nhơn	199	>108	50-120	< 10-25
	An Khê	127	>16	60-150	< 20-40
	Tuy Hòa	146	>66	60-150	Xấp xỉ
	Nha Trang	89	>34	100-200	< 15-30
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	168	>5	80-180	< 10-20
	Lắk	260	>54	100-200	Xấp xỉ
	Buôn Mê Thuột	178	>4	80-180	Xấp xỉ
	Biên Hòa	234	>38	100-220	< 10-20
	Cần Thơ	111	>2	100-200	< 10-20

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 16 đến ngày 30/9/2026

Đơn vị: 10⁶ m³

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo 15 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo 15 ngày qua	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Yên Bái	W	513	<67	1037	<24
	Tuyên Quang	W	248	<85	259	<80
	Hồ Hòa Bình	W	1771	<46	2074	<22
	Hà Nội	W	2135	<49	2268	<36
Lưu vực sông Thái Bình	Gia Bảy	W	136.8	<19	177.8	>40
	Chũ	W	43	<55	65.6	<52
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Cầm Thủy	W	1082	~ TBNN	1102	> 8
	Yên Thượng	W	590	< 58	901	< 49
	Hòa Duyệt	W	227	> 5	240	< 36
	Thượng Nhật	W	27.2	> 43	44.5	> 64
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Nông Sơn	W	197	~ TBNN	207	< 30
	Sơn Giang	W	114	< 21	143	< 33
	Củng Sơn	W	548	>41	583	>8
	Đồng Trăng	W	28.5	<48	51.8	<19

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo 15 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo 15 ngày qua	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	W	39.8	< 78%	41.5	< 82%
	Giang Sơn	W	103.7	< 23%	127.0	< 22%
	Tân Châu	W			31869	> 18
	Châu Đốc	W			5962	< 15